

Danh sách các nước và loại giấy tờ, tài liệu được miễn hợp pháp hóa lãnh sự, chứng nhận lãnh sự
(Cập nhật tháng 10/2019)

Các chữ viết tắt: HĐTTTP: Hiệp định tương trợ tư pháp
HĐLS: Hiệp định lãnh sự
TTTP: Tương trợ tư pháp
CQĐD: Cơ quan đại diện

CQTƯ: Cơ quan Trung ương
VPKTVH: Văn phòng Kinh tế - Văn hóa
HPH: Hợp pháp hóa lãnh sự
CNLS: Chứng nhận lãnh sự

STT	Tên nước	Loại giấy tờ	Cơ quan cấp	Cơ sở miễn HPH/CNLS	Hướng dẫn áp dụng
1	Áp-ga-ni-xtan	Các giấy tờ thuộc thẩm quyền của viên chức lãnh sự	CQĐD của nước này tại nước kia	Điều 36 Hiệp định Lãnh sự với Áp-ga-ni-xtan năm 1987	Được miễn HPH/CNLS
2	Cộng hòa An-giê-ri Dân chủ và Nhân dân	2.1. Các giấy tờ, tài liệu dùng trong mục đích TTTP về hình sự	Các cơ quan có thẩm quyền của hai Bên	Điều 10 HĐTTTP về hình sự ngày 14/4/2010	Chỉ miễn HPH/CNLS giấy tờ dùng cho mục đích TTTP và chuyển qua các CQTƯ theo Hiệp định
		2.2. Các giấy tờ dân sự, thương mại có chữ ký và con dấu chính thức của CQ có thẩm quyền cấp	Các cơ quan có thẩm quyền	Điều 5 HĐTTTP trong lĩnh vực dân sự và thương mại năm 2010	Chỉ miễn HPH/CNLS giấy tờ dùng cho mục đích TTTP và chuyển qua các CQTƯ theo

STT	Tên nước	Loại giấy tờ	Cơ quan cấp	Cơ sở miễn HPH/CNLS	Hướng dẫn áp dụng
					Hiệp định
3	Cộng hòa Ba Lan	3.1. Các loại giấy tờ lao động (Điều 1.3), dân sự, gia đình, hình sự được cơ quan có thẩm quyền lập, chứng thực	Các cơ quan có thẩm quyền của hai Bên	Điều 14 và 15 HĐTTTP năm 1993	Chỉ miễn HPH/CNLS giấy tờ dùng cho mục đích TTTP theo Hiệp định
		3.2. Các giấy tờ thuộc thẩm quyền của viên chức lãnh sự	CQĐD của nước này tại nước kia	Điều 34 HDLS năm 1979	Được miễn HPH/CNLS
4	Cộng hòa Bun-ga-ri	4.1. Các loại giấy tờ dân sự, hôn nhân gia đình, hình sự	Cơ quan nhà nước có thẩm quyền của hai Bên	Điều 12 HĐTTTP năm 1986	Được miễn HPH/CNLS
		4.2. Các giấy tờ thuộc thẩm quyền của viên chức lãnh sự	CQĐD của nước này tại nước kia	Điều 33 HDLS năm 1979	Được miễn HPH/CNLS
5	Cộng hòa Bê-la-rút	5.1. Các loại giấy tờ dân sự (thương mại), gia đình, lao động, hình sự	Cơ quan nhà nước có thẩm quyền	Điều 11 HĐTTTP năm 2000	Được miễn HPH/CNLS
		5.2. Các giấy tờ thuộc thẩm quyền của viên chức lãnh sự	CQĐD của nước này tại nước kia	Điều 13 HDLS năm 2008	Được miễn HPH/CNLS
6	Vương quốc Cam-pu-chia	6.1. Giấy tờ sử dụng để đăng ký khai sinh, giải quyết các việc kết hôn, nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài, khai tử cho người	Cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Cam-pu-chia	Khoản 4 Điều 2 Nghị định 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015	Được miễn HPH

STT	Tên nước	Loại giấy tờ	Cơ quan cấp	Cơ sở miễn HPH/CNLS	Hướng dẫn áp dụng
		nước ngoài cư trú ổn định tại khu vực biên giới			
		6.2. Các giấy tờ, tài liệu công dùng cho mục đích TTTP về dân sự	Cơ quan nhà nước có thẩm quyền của hai bên	Điều 11 HĐTTTP về dân sự năm 2013	Được miễn HPH, Chỉ áp dụng đối với giấy tờ, tài liệu chuyển giao qua kênh liên lạc theo quy định của Hiệp định
		6.3. Các giấy tờ thuộc thẩm quyền của viên chức lãnh sự	CQĐD của nước này tại nước kia	Điều 41 HĐLS năm 1997 với Cam-pu-chia	Được miễn HPH/CNLS
7	Cộng hòa Ca-dắc-xtan	Bản án, quyết định của Tòa án, hoặc trích lục bản án, quyết định của Tòa án hoặc các tài liệu cần thiết khác có liên quan đến hộ tịch của công dân Bên ký kết	Cơ quan nhà nước có thẩm quyền	Điều 14 HĐTTTP về dân sự năm 2011	Chỉ áp dụng đối với giấy tờ, tài liệu chuyển giao qua kênh liên lạc theo quy định của Hiệp định
8	Cộng hòa Cu-ba	8.1. Các loại giấy tờ dân sự, hôn nhân gia đình, hình sự, lao động	Cơ quan nhà nước có thẩm quyền của hai Bên	Điều 13 HĐTTTP năm 1988	Được miễn HPH/CNLS
		8.2. Các giấy tờ thuộc thẩm quyền của viên chức lãnh sự	CQĐD của nước này tại nước kia	Điều 12 HĐLS năm 1981	Được miễn HPH/CNLS

STT	Tên nước	Loại giấy tờ	Cơ quan cấp	Cơ sở miễn HPH/CNLS	Hướng dẫn áp dụng
9	Cộng hòa dân chủ nhân dân Triều Tiên	Giấy tờ dùng cho mục đích TTTP dân sự và hình sự	Cơ quan nhà nước có thẩm quyền của hai bên	Điều 7 HĐTTTP và pháp lý trong các vấn đề dân sự và hình sự năm 2002	Chỉ miễn HPH/CNLS giấy tờ dùng cho mục đích TTTP theo Hiệp định
10	Trung Quốc (Đài Loan)	Các loại giấy tờ dân sự, thương mại, hôn nhân, gia đình và lao động (Điều 1.2) có chữ ký và con dấu chính thức của CQ có thẩm quyền cấp	Các cơ quan có thẩm quyền của hai Bên	Điều 15 Thỏa thuận giữa hai VPKTVH về TTTP trong lĩnh vực dân sự	Chỉ miễn HPH/CNLS giấy tờ dùng cho mục đích TTTP theo Thỏa thuận
11	Vương quốc Đan Mạch	Giấy tờ dùng vào việc cho nhận nuôi con nuôi	Cơ quan có thẩm quyền của hai Bên	Điều 4 Hiệp định hợp tác về nuôi con nuôi năm 2003	Được miễn HPH
12	Vương quốc Hà Lan	Giấy tờ, tài liệu của Việt Nam đã được chứng nhận lãnh sự tại Bộ Ngoại giao Việt Nam	Cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam	CH số HANOI/2015-236 ngày 10/12/2015 (ĐSQ Hà Lan tại Hà Nội)	Được miễn HPH (áp dụng đối với giấy tờ của Việt Nam)
13	Cộng hòa Hung-ga-ri	13.1. Các giấy tờ công do cơ quan của một Bên ký kết ban hành hoặc giấy tờ tư có công chứng/chứng thực như chứng nhận đăng ký, chữ ký hoặc nhận dạng	Các cơ quan có thẩm quyền của hai Bên	Điều 6 HĐTTTP về dân sự năm 2018	Chỉ miễn HPH/CNLS giấy tờ được chuyển giao qua các kênh liên lạc theo quy định của Hiệp định

STT	Tên nước	Loại giấy tờ	Cơ quan cấp	Cơ sở miễn HPH/CNLS	Hướng dẫn áp dụng
		13.2. Các giấy tờ thuộc thẩm quyền của viên chức lãnh sự	CQDD của nước này tại nước kia	Điều 33 HDLS năm 1979	Được miễn HPH/CNLS
14	Cộng hòa I-rắc	Các giấy tờ thuộc thẩm quyền của viên chức lãnh sự	CQDD của nước này tại nước kia	Điều 40 HDLS năm 1990	Được miễn HPH/CNLS
15	Cộng hòa I-ta-li-a	Giấy tờ dùng vào việc cho nhận nuôi con nuôi	Cơ quan có thẩm quyền của hai nước	Điều 4 HĐ hợp tác về nuôi con nuôi năm 2003	Được miễn HPH/CNLS
16	CHDCND Lào	16.1. Các loại giấy tờ dân sự, hôn nhân gia đình, hình sự	Cơ quan nhà nước có thẩm quyền của hai Bên	Điều 12 HĐTTTP năm 1988	Được miễn HPH/CNLS
		16.2. Các giấy tờ thuộc thẩm quyền của viên chức lãnh sự	CQDD của nước này tại nước kia	Điều 36 HDLS năm 1985	Được miễn HPH/CNLS
		16.3. Giấy tờ sử dụng để đăng ký khai sinh, giải quyết các việc kết hôn, nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài, khai tử cho người nước ngoài cư trú ổn định tại khu vực biên giới	Cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Lào tại khu vực biên giới	Khoản 4 Điều 2 Nghị định 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015	Được miễn HPH
17	Mông Cổ	17.1. Các loại giấy tờ dân sự, hôn nhân gia đình, hình sự	Cơ quan nhà nước có thẩm quyền của hai Bên	Điều 8 HĐTTTP năm 2000	Được miễn HPH/CNLS

STT	Tên nước	Loại giấy tờ	Cơ quan cấp	Cơ sở miễn HPH/CNLS	Hướng dẫn áp dụng
		17.2. Các giấy tờ thuộc thẩm quyền của viên chức lãnh sự	CQĐD của nước này tại nước kia	Điều 31 HĐLS năm 1979	Được miễn HPH/CNLS
18	Liên bang Nga	18.1. Các loại giấy tờ do cơ quan tư pháp lập hoặc chứng thực (gồm cả bản dịch, trích lục đã được chứng thực)	Cơ quan Tư pháp của hai Bên ^(*)	Điều 15 HĐTTTP và PL về các vấn đề dân sự và hình sự năm 1998	Được miễn HPH/CNLS
		18.2. Các giấy tờ thuộc thẩm quyền của viên chức lãnh sự	CQĐD của nước này tại nước kia	Điều 29 HĐLS năm 1978 (ký với Liên Xô)	Được miễn HPH/CNLS
19	Nhật Bản	Các loại giấy tờ hộ tịch	Cơ quan nhà nước có thẩm quyền của hai Bên	Áp dụng nguyên tắc có đi có lại	Được miễn HPH/CNLS
20	Ni-ca-ra-goa	Các giấy tờ thuộc thẩm quyền của viên chức lãnh sự	CQĐD của nước này tại nước kia	Điều 34 Hiệp định lãnh sự với Ni-ca-ra-goa năm 1983	Được miễn HPH/CNLS

STT	Tên nước	Loại giấy tờ	Cơ quan cấp	Cơ sở miễn HPH/CNLS	Hướng dẫn áp dụng
21	Ô-xtr-rây-li-a	Các giấy tờ thuộc thẩm quyền của viên chức lãnh sự	CQĐD của nước này tại nước kia	Điều 8 Hiệp định lãnh sự với Ô-xtr-rây-li-a năm 2003	Được miễn HPH/CNLS
22	Cộng hòa Pháp	22.1. Bản án, quyết định công nhận/thi hành án dân sự, các giấy tờ hộ tịch, giấy tờ dân sự dùng cho việc kết hôn, nuôi con nuôi, nhận cha, mẹ, con	Cơ quan nhà nước có thẩm quyền của hai Bên	- Điều 26 HĐTTTP về các vấn đề dân sự năm 1999 - Công hàm trao đổi giữa CLS và ĐSQ Pháp tại HN năm 2011	Được miễn HPH/CNLS
		22.2. Giấy tờ dùng cho việc nhận nuôi con nuôi	Cơ quan có thẩm quyền lập và chuyển qua các CQTƯ	Điều 17 Hiệp định hợp tác về nuôi con nuôi	Được miễn HPH/CNLS
		22.3. Các giấy tờ thuộc thẩm quyền của viên chức lãnh sự	CQĐD của nước này tại nước kia	Điều 35.3 HĐLS ngày 21/12/1981	Được miễn HPH (phải được CNLS nếu phía Bên kia yêu cầu)
23	Ru-ma-ni	Các giấy tờ thuộc thẩm quyền của viên chức lãnh sự	CQĐD của nước này tại nước kia	Điều 22 HĐLS năm 1995	Được miễn HPH/CNLS

STT	Tên nước	Loại giấy tờ	Cơ quan cấp	Cơ sở miễn HPH/CNLS	Hướng dẫn áp dụng
24	Cộng hòa Séc	24.1. Các loại giấy tờ dân sự (bao gồm các việc về gia đình và lao động) và hình sự	Cơ quan nhà nước có thẩm quyền của hai Bên	Điều 13 HĐTTTP năm 1982 (ký với Tiệp Khắc)	Được miễn HPH/CNLS
		24.2. Các giấy tờ thuộc thẩm quyền của viên chức lãnh sự	CQĐD của nước này tại nước kia	Điều 40 HDLS năm 1980 (ký với Tiệp Khắc)	Được miễn HPH/CNLS
25	Vương quốc Tây Ban Nha	Các giấy tờ, tài liệu về hình sự	Cơ quan nhà nước có thẩm quyền của hai Bên	Điều 21 HĐ TTTP về hình sự năm 2015	Được miễn HPH/CNLS khi chuyển giao thông qua các Cơ quan trung ương
26	Liên bang Thụy Sĩ	Giấy tờ dùng vào việc cho nhận nuôi con nuôi	Cơ quan có thẩm quyền của hai Bên	Điều 4 HĐ hợp tác về nuôi con nuôi năm 2005	Được miễn HPH
27	Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa^(**)	27.1. Các loại giấy tờ dân sự (thương mại, hôn nhân gia đình và lao động) và hình sự	Tòa án hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền của hai Bên lập hoặc xác nhận, ký và đóng dấu chính thức	Điều 29 HĐTTTP năm 1998	Miễn HPH/CNLS giấy tờ dùng cho mục đích TTTP theo HĐTTTP năm 1998

STT	Tên nước	Loại giấy tờ	Cơ quan cấp	Cơ sở miễn HPH/CNLS	Hướng dẫn áp dụng
		27.2. Các giấy tờ thuộc thẩm quyền của viên chức lãnh sự	CQDD của nước này tại nước kia	Điều 45 HĐLS năm 1998	Được miễn HPH/CNLS
		27.3. Giấy tờ sử dụng để đăng ký khai sinh, giải quyết các việc kết hôn, nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài, khai tử cho người nước ngoài cư trú ổn định tại khu vực biên giới	Cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Trung Quốc tại khu vực biên giới	Khoản 4 Điều 2 Nghị định 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015	Được miễn HPH
28	U-crai-na	28.1. Các giấy tờ dân sự (thương mại, hôn nhân gia đình, lao động) và hình sự	Cơ quan nhà nước có thẩm quyền của hai Bên	Điều 12 HĐTTTP năm 2000	Được miễn HPH/CNLS
		28.2. Các giấy tờ thuộc thẩm quyền của viên chức lãnh sự	CQDD của nước này tại nước kia	Điều 42 HĐLS năm 1994	Được miễn HPH/CNLS
29	Cộng hòa Xlô-va-ki-a	29.1. Các loại giấy tờ dân sự (bao gồm các việc về gia đình và lao động) và hình sự	Cơ quan nhà nước có thẩm quyền của hai Bên	Điều 13 HĐTTTP năm 1982 (ký với Tiệp Khắc)	Được miễn HPH/CNLS

STT	Tên nước	Loại giấy tờ	Cơ quan cấp	Cơ sở miễn HPH/CNLS	Hướng dẫn áp dụng
		29.2. Các giấy tờ thuộc thẩm quyền của viên chức lãnh sự	CQĐD của nước này tại nước kia	Điều 40 HĐLS năm 1980 (ký với Tiệp Khắc)	Được miễn HPH/CNLS
30	Cộng hòa In-đô-nê-xi-a	Các tài liệu, hồ sơ dùng trong mục đích TTTP về hình sự, trừ trường hợp đặc biệt khi Bên được yêu cầu đề nghị rằng các hồ sơ hoặc tài liệu phải được chứng thực	Cơ quan nhà nước có thẩm quyền của hai Bên	Điều 19 HĐTTTP về hình sự ký ngày 07/6/2013, có hiệu lực từ ngày 22/1/2016	Chỉ áp dụng đối với giấy tờ, hồ sơ được chuyển giao theo Hiệp định

Ghi chú:

- Theo quy định tại Điều 9.4 Nghị định số 111/2011/NĐ-CP ngày 5/12/2011 của Chính phủ về chứng nhận lãnh sự, hợp pháp hóa lãnh sự, giấy tờ, tài liệu mà cơ quan tiếp nhận của Việt Nam hoặc của nước ngoài không yêu cầu phải HPH, CNLS phù hợp với quy định pháp luật tương ứng của Việt Nam hoặc của nước ngoài thì cũng được miễn HPH, CNLS.

- Việc thực hiện theo các Hiệp định nêu trên không ảnh hưởng đến việc HPH, CNLS giấy tờ theo yêu cầu của công dân tại các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam nhằm tạo thuận lợi cho công dân theo quy định tại Điều 10.2 Thông tư 01/2012/TT-BNG ngày 20/3/2012 của Bộ Ngoại giao Hướng dẫn thực hiện một số quy định của Nghị định số 111/2011/NĐ-CP ngày 5/12/2011 của Chính phủ về chứng nhận lãnh sự, hợp pháp hóa lãnh sự.

- (*) **Liên bang Nga:** Cơ quan Tư pháp là các Tòa án, Viện kiểm sát và các cơ quan khác có thẩm quyền về các vấn đề dân sự và hình sự (Văn phòng công chứng, Công ty luật) theo pháp luật của nước nơi cơ quan này có trụ sở.

- (**) **Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa:** Đối với giấy tờ như bằng cấp, chứng chỉ, lý lịch tư pháp (xác nhận không tiền án, tiền sự) và các giấy tờ liên quan khác do cơ quan công chứng của Trung Quốc hoặc cơ quan có thẩm quyền khác (bao gồm Hồng Kông, Ma Cao) chứng nhận, sau đó được Vụ Lãnh sự Bộ Ngoại giao Trung Quốc (hoặc cơ quan ngoại vụ địa phương Trung Quốc được ủy quyền) chứng thực thì phải HPH tại CQĐD Việt Nam tại Trung Quốc (Căn cứ theo nội dung công hàm trao đổi giữa Cục Lãnh sự và ĐSQ Trung Quốc tại Việt Nam).